TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn; nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Lệ Tuyết
2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã D Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn; nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V sinh năm 1984; cư trú ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh T; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Thu D sinh năm 1985; cư trú khóm 2, phường 1, thị xã D, tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06-12-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông V trình bày: ông và bà D tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là vào năm 2014 khi ông chuyển công tác về Phòng công tác chính trị Công an tỉnh T thì bà D ghen vô cớ làm ảnh hưởng đến uy tín và công việc của ông nên ông chuyển công tác về Công an thị xã D. Đến tháng 11 năm 2017 ông làm đơn xin ly hôn, nhưng vì còn thương con nên ông rút đơn xin đoàn tụ.Tuy nhiên D và mẹ vợ tiếp tục làm phiền gọi điện thoại cho lãnh đạo cơ quan của ông nói ông quen người

phụ nữ khác làm ông mất uy tín nên ông làm đơn xin nghỉ việc. Từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà D nghi ngờ ông không chung thủy, vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và tiền bạc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không bàn bạc để đoàn tụ được. Nay ông xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn khả năng để đoàn tụ nên ông yêu cầu xin ly hôn bà D.

Về hai con chung hiện đang sống với bà D nên ông giao cho bà D 02 con chung tên Nguyễn Phan Trung H sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Phan An K sinh ngày 20/12/2016. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng mỗi người 1.000.000 đồng cho đến khi hai con tròn 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên bị đơn bà D trình bày: vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại xã H vào năm 2012. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn xuất phát từ việc bà nghi ngờ ông V quen người phụ nữ khác, không chung thủy với bà từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông V thường xuyên bỏ nhà đi sống ly thân và có lời lẽ xúc phạm đến bà. Đến năm 2017 ông V đã nộp đơn ra tòa xin ly hôn, sau đó rút đơn nhưng vợ chồng cũng không đoàn tụ được. Việc ông V cho rằng bà và gia đình báo lãnh đạo về việc ông V không chung thủy để gây mất uy tính dẫn đến ông V xin nghỉ việc là không đúng, vì gia đình bà và bà rất thương ông V nên không muốn ông V nghỉ việc, còn việc nghỉ việc là do ông V tự quyết định. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân bà cũng tìm mọi cách để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không đoàn tụ được, do ông V cương quyết ly hôn. Nay xét thấy nếu ly hôn sợ ảnh hưởng đến hai con không có cha nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung tên Nguyễn Phan Trung H sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Phan An K sinh ngày 20/12/2016 hiện bà đang nuôi dưỡng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông V phát biểu ý kiến tranh luận cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn tình cảm nên không thể đoàn tụ được nên ông cương quyết ly hôn. Bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ ông V, nhưng vì sợ ảnh hưởng đến hai con nên bà không đồng ý ly hôn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành

phần Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông V và bà D xuất phát từ việc bà D nghi ngờ ông V không chung thủy, ông V đã nộp đơn xin ly hôn và sau đó rút đơn, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng ông V và bà D vẫn không đoàn tụ được; ông V và bà D đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân ông V và bà D cũng không gặp nhau để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông V ly hôn bà D; giao hai con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận ý kiến của ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con đến tròn 18 tuổi; về án phí đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đơn khởi kiện của ông V có nội dung yêu cầu ly hôn; nuôi con và ý kiến cấp dưỡng. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Ông V và bà D tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân giữa ông V và bà D là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa ông V và D xuất phát từ việc bà D nghi ngờ ông V không chung thủy, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông V không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng và sống ly thân mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân và tại các phiên hòa giải của Tòa án ông V và bà D không đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ; hơn nữa trong năm 2017 ông V cũng đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không đoàn tụ được. Việc bà D nghi ngờ ông V không chung thủy, nhưng không đưa ra chứng cứ xác thực chứng minh rằng ông V không chung thủy và việc yêu cầu xin ly hôn để đến với người phụ nữ khác. Từ cơ sở phân tích trên, xét thấy ông V cương quyết ly hôn, đời sống chung không thể kéo dài, vì vợ chồng không thể đoàn tụ được nên mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông V được ly hôn bà D.

[3] Về con chung: hai con chung bà D đang nuôi dưỡng, bà D có yêu cầu được nuôi hai con ông V đồng ý. Hội đồng xét xử giao cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Phan Trung H sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Phan An K sinh ngày 20/12/2016.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến tự nguyện của ông V cấp dưỡng hai con chung tên Nguyễn Phan Trung H sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Phan An K sinh ngày 20/12/2016 mỗi tháng mỗi người con 1.000.000 đồng cho đến khi hai con tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản và nợ chung: ông V và bà D trình bày không có và không yêu cầu nên không xét đến.

[6] Về án phí: căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, án phí được tính cụ thể như sau: Ông V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 300.000 đồng, như vậy ông V còn tiếp tục nộp số tiền án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V. Cho ông Nguyễn Văn V ly hôn bà Phan Thị Thu D.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn V. Giao cho bà Phan Thị Thu D tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phan Trung H sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Phan An K sinh ngày 20/12/2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn V. Buộc ông Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Phan Trung H sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Phan An K sinh ngày 20/12/2016 mỗi tháng mỗi người con 1.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Phan Trung H và Nguyễn Phan An K tròn 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn V đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0019593 ngày 18-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D Hải. Như vậy ông Nguyễn Văn V còn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Truyền